

Số: 02 /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Sông Đà 6

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 6 được ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ, ngày 13/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Sông Đà 6;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2022; Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của Cổ đông và đại diện theo ủy quyền của Cổ đông dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Sông Đà 6;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông quyết nghị thông qua các nội dung sau đây:

- I. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 (như tài liệu trình Đại hội).
- II. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2021 (như tài liệu trình Đại hội).
- III. Thông qua kết quả SXKD năm 2021:

TT	Chỉ tiêu chính	ĐV	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ%
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	1.010,000	539,367	53
	Trong đó:				
-	Giá trị xây lắp	10 ⁹ đ	953,000	490,236	51
-	Giá trị SXCN	10 ⁹ đ		4,761	
-	Giá trị PVXL	10 ⁹ đ	57,000	29,148	51
-	Giá trị KDK	10 ⁹ đ		15,222	
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	905,000	386,628	43
3	Các khoản nộp nhà nước	10 ⁹ đ	37,583	21,226	56
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	13,800	5,475	40

5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	11,040	0,740	7
6	Tỷ suất lợi nhuận				
-	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	1,5	1,41	94
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐL	%	3,1	0,2	6,45
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	2,3	0,16	6,95
7	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	347,716	347,716	100
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	467,716	457,393	97,79
9	Tổng tài sản	10 ⁹ đ	1.354,652	1.260,147	93,1
10	Cổ tức dự kiến	%	3,0	0	0
11	Tổng giá trị đầu tư	10 ⁹ đ	22,000	0	0
12	Thu nhập bình quân người/tháng	10 ⁶ đ	9,890	10,012	101

IV. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C soát xét, xác nhận (*Có báo cáo Tài chính chi tiết được kiểm toán kèm theo*).

V. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phân phối lợi nhuận
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	đồng	796.585.089
2	Tổng lợi nhuận trước thuế năm nay	đồng	5.475.559.583
-	Lợi nhuận năm nay	đồng	5.475.559.583
3	Loại trừ các khoản không tính vào lợi nhuận để tính thuế TNDN	đồng	1.264.073.378
3a	Chi phí không hợp lệ	đồng	1.264.073.378
3b	Thu từ cổ tức	đồng	0
4	Lợi nhuận tính thuế TNDN (4=2+3a-3b)	đồng	6.739.632.961
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	4.735.282.987
5a	Thuế thu nhập DN phải nộp (5a=4x20%)	đồng	1.347.926.592
5b	Thuế TNDN theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết	đồng	3.387.356.395
6	Lợi nhuận sau thuế (6=1+2-5)	đồng	1.536.861.685

7	Lợi nhuận chia cổ tức công bố (7=7ax7b)	đồng	0
7a	Vốn điều lệ chia cổ tức	đồng	347.716.110.000
7b	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt	%	0
8	Trích lập các quỹ doanh nghiệp	đồng	537.901.590
	Quỹ phúc lợi (8=6x35%)	đồng	537.901.590
9	Lợi nhuận chuyển kỳ sau	đồng	998.960.095

VI. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022:

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	700,655
	Trong đó:		
-	Giá trị xây lắp	10 ⁹ đ	651,601
-	Giá trị SXCN	10 ⁹ đ	7,644
-	Giá trị PVXL	10 ⁹ đ	41,410
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	678,403
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	23,328
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	12,000
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	9,600
6	Tỷ suất lợi nhuận:		
-	Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	1,8
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn ĐL	%	2,8
-	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	2,1
7	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	347,716
8	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	466,619
9	Tổng tài sản	10 ⁹ đ	1.266,448
10	Tỷ lệ chia cổ tức	%	2,0
11	Tổng giá trị đầu tư	10 ⁹ đ	35,436
12	Thu nhập bình quân người/tháng	10 ⁶ đ	12,064

Hb

01355
 ĐÔNG T
 CỔ PHẦN
 ĐÔNG Đ
 ĐÔNG - T

2. Một số mục tiêu nhiệm vụ chính năm 2022:

(i). Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm đủ việc làm bổ sung cho năm 2022 và chuẩn bị cho các năm tiếp theo (phần đấu ký thêm Hợp đồng thi công 1.500 tỷ đồng).

(ii). Đẩy mạnh tiến độ thi công tại hai công trình có sản lượng chính là Thủy điện Hạ SeKong và Thủy điện Đắc Mi 1; chuẩn bị tốt điều kiện để triển khai thi công các gói thầu mới.

(iii). Quyết liệt giải quyết dứt điểm các vướng mắc kinh tế tại các công trình chỉ định thầu, đẩy nhanh công tác quyết toán, nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ đảm bảo vốn phục vụ sản xuất.

(iv). Thực hiện tốt công tác quản lý kinh tế nội bộ, giao khoán và quyết toán giao khoán nghiêm túc, điều hành SXKD sát sao, có hiệu quả, giảm tối đa chi phí sản xuất trong đó có chi phí chung, chi phí tài chính.

(v). Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, sắp xếp tổ chức Công ty đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

VII. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Trên cơ sở kiến nghị của Ban Kiểm soát Công ty (có Tờ trình chi tiết kèm theo), ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong những đơn vị Kiểm toán trong danh sách được Bộ Tài chính phê duyệt và tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty theo quy định.

VIII. Thông qua báo cáo chi thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021; mức chi tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022, như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2021:

TT	Chức danh	Mức được duyệt		Mức đề nghị thông qua 85% mức được duyệt	
		Lương/ tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)	Lương/ tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm		6.000.000		5.100.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	39.000.000		33.150.000	
3	Thành viên HĐQT		4.000.000		3.400.000
4	Trưởng BKS chuyên trách	23.000.000		19.550.000	
5	Thành viên Ban Kiểm soát		2.000.000		1.700.000

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022:

- Khi tỷ lệ hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

TT	Chức danh	Mức tiền lương, thù lao năm 2022	
		Lương/tháng (đồng)	Thù lao/tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm		6.000.000
2	Thành viên HĐQT		4.000.000
3	Trưởng Ban KS chuyên trách	23.000.000	
4	Thành viên Ban kiểm soát		2.000.000
5	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	39.000.000	

- Khi quyết toán tiền lương, thù lao của Người quản lý Công ty Cổ phần Sông Đà 6 thực hiện theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và các quy định hiện hành.

Điều 2. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo bộ máy điều hành tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đạt hiệu quả. Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty theo quy định của Pháp luật, quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết này.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, bộ máy quản lý điều hành, tổ chức, cá nhân trong Công ty có liên quan và cổ đông căn cứ Nghị quyết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCK Nhà nước (B/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (B/c);
- Website Công ty;
- Lưu: HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



ĐẶNG QUỐC BẢO